

Bản án số: **71/2018/HS-ST**
Ngày 16/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Truyền Bình
- Ông Hoàng Minh Trinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh, Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - số 24 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Đà Nẵng tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2018/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

1. **CHÂU QUANG T.** Sinh năm: 1971 tại thành phố Đ. Nơi cư trú: K70/4 đường N, phường H, quận H, thành phố Đ. Nghề nghiệp: Hưu trí. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Châu Quang B (còn sống) và bà Hồ Thị N (đã chết). Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo đang tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. **NGUYỄN B,** sinh năm 1960 tại thành phố Đ. Nơi cư trú: K292/H35/6 đường H, phường T, quận K, thành phố Đ. Nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Nguyễn C (còn sống) và bà Lê Thị R (đã chết). Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo có vợ là: Huỳnh Thị Như L, sinh năm: 1960 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1984 và nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo đang tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. **BÙI T,** sinh năm: 1966 tại tỉnh Q. Nơi cư trú: tổ 44, phường C, quận T, thành phố Đ. Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Bùi T và bà Đỗ Thị T

(cả hai đều đã chết). Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ sáu. Bị cáo có vợ là: Lê Thị N, sinh năm: 1973 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo đang tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. **DƯƠNG QUANG T**, sinh năm 1979 tại tỉnh N. Nơi cư trú: số 15 đường L, phường H, quận H, thành phố Đ. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Dương Quang Đ (còn sống) và bà Trần Thị H (còn sống). Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo có vợ là: Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm: 1979 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo đang tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. **NGUYỄN VĂN M**, sinh năm 1967 tại thành phố Đ. Nơi cư trú: Tổ 62 phường H, quận C, thành phố Đ. Nghề nghiệp: Trồng cây cảnh. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn L và bà Trần Thị B (cả hai đều đã chết). Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ bảy. Bị cáo có vợ là: Phạm Thị P (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo đang tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 07.3.2018, Châu Quang T1, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M uống cà phê tại trước nhà số 158 đường L, thành phố Đ. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày thì cả 04 người rủ nhau vào phòng trọ của T1 tại 158 đường L thuộc phường H 1, quận H, thành phố Đ để đánh bài xì tầy (xì tố) ăn tiền, đến khoảng 11 giờ 30 phút Bùi T2 nghỉ về nhà đón con đi học, những người còn lại vẫn tiếp tục chơi, đến khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, T2 quay lại chơi tiếp. Đến 14 giờ 30 phút thì có Nguyễn B đến tham gia cùng chơi. Đến 15 giờ 30 phút thì bị Phòng cảnh sát hình sự (PC45) Công an thành phố Đ bắt quả tang.

Tang vật tạm giữ :

- Số tiền 43.700.000 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong đó: Thu trên chiếu bạc 11.400.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo 32.300.000 đồng.

- Thu giữ trên chiếu bạc 58 (năm mươi tám) quân bài.

Theo luật chơi do T1, Bình, T2, T3 và M đặt ra: Lấy một bộ bài 52 lá, lọc bỏ các quân bài từ 2 (hai) đến 7(bảy), giữ lại các quân bài 8 (tám), 9 (chín), 10

(mười) J (bồi), Q (đảm), K (già), A (xì) với mỗi quân bài có 04 chất (cơ, rô, chuồn, bích) có tổng cộng 28 quân bài. Mỗi người lần lượt rút một quân bài đầu tiên và lật ngửa, rút quân bài thứ hai và úp lại. Ai có quân bài đầu tiên lớn nhất thì tố 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) để được rút quân bài thứ 3 và lật ngửa ra, ai không tố thì bỏ bài. Căn cứ, ai có quân bài thứ ba lớn nhất thì tố 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) để được rút quân bài thứ tư và lật ngửa ra, ai không tố thì bỏ bài. Căn cứ, ai có quân bài thứ tư lớn nhất thì tố 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để được rút quân bài thứ năm và lật ngửa ra, ai không tố thì bỏ bài. Căn cứ, ai có quân bài thứ năm lớn nhất thì tố 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để được rút quân bài thứ năm và lật ngửa ra, ai không tố thì bỏ bài. Sau đó, lật quân bài thứ hai ra so bài với nhau, ai thắng thì ăn hết số tiền trên chiếu bạc.

Số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc tổng là 12.800.000 đồng, cụ thể: của Châu Quang T1: 2.200.000 đồng, của Dương Quang T3: 1.100.000 đồng, của Nguyễn Văn M: 4.300.000 đồng, của Bùi T2: 5.200.000 đồng (ban đầu T2 khai T2 sử dụng 3.800.000 đồng để đánh bạc, 1.400.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân, tuy nhiên qua điều tra xác định T2 sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc nhưng do thắng bạc nên T2 cất lại số tiền 1.400.000 đồng này vào trong người). Đối với Nguyễn B có mang theo 1.700.000 đồng để đánh bạc, số tiền này B đã bị thua hết và nằm trong tổng số tiền 12.800.000 đồng thu giữ trên.

Số tiền còn lại: 30.900.000 đồng, các bị cáo khai là tiền cá nhân, không liên quan đến hành vi đánh bạc, cụ thể: Châu Quang T1 là 3.200.000 đồng, của Dương Quang T3: 27.500.000 đồng, của Nguyễn Văn M 200.000 đồng.

Toàn bộ số tiền 43.700.000 đồng (trong đó số tiền tang vật đánh bạc là 12.800.000 đồng và 58 quân bài) Cơ quan công an quận H đã chuyển tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đ chờ xử lý.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 52/CT-VKSHC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố các bị cáo: Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng công khai, dân chủ và không bị hạn chế,

- Các bị cáo Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng, không oan.

- Đại diện Viện kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; Riêng đối với bị cáo Châu Quang T1, Nguyễn B, Nguyễn Văn M thuộc diện gia đình có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đề nghị áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt chính, xử phạt: bị cáo Châu Quang T1 từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ; Các bị cáo Nguyễn B, Nguyễn

Văn M: mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ, Các bị cáo Bùi T2, Dương Quang T3 mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tiêu hủy 58 quân bài, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.800.000đ, trả lại cho Châu Quang T1 là 3.200.000đ, Dương Quang T3: 27.500.000đ và Nguyễn Văn M 200.000đ.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều thấy được lỗi lầm của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng* của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo* thì thấy: Qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, biên bản phạm tội quả tang và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M đã thừa nhận: Từ khoảng 11 giờ đến 15 giờ 30 phút ngày 07/3/2018, tại Phòng trọ của T1 thuê ở (số 158 đường L, quận H, thành phố Đ), Phòng cảnh sát hình sự Công an thành phố Đ đã bắt quả tang Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức bài Xì tây (Xì tố) ăn thua bằng tiền. Tổng số tiền xác định dùng để đánh bạc là 12.800.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M đã cấu thành tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng người đúng tội.

[3] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo* thì thấy: Các bị cáo đều có nghề nghiệp ổn định, đủ nhận thức biết được tác hại của tệ nạn cờ bạc, biết việc đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới bất cứ hình thức nào mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép đều là vi phạm pháp luật nhưng do thú vui ham mê nên các bị cáo đã cùng nhau vi phạm. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi chưa đủ điều kiện để phạm tội mang tính tổ chức mà chỉ dưới hình thức những đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc nhau từ trước mà chỉ khi gặp nhau tập trung mới cùng rủ nhau đánh bạc. Các bị cáo chọn nhà của bị cáo Châu Quang T1, do T1 ở một

mình nên thuận lợi cho mượn nhà để đánh bạc, bị cáo T1 không thu tiền xâu nên vai trò của các bị cáo trong vụ đánh bạc là ngang nhau.

[5] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ chung cho các bị cáo là có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra xét xử các bị cáo khai báo rõ ràng, thành khẩn, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo Châu Quang T1 có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, mẹ để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Nguyễn B có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba hiện đang bị tai biến nằm một chỗ, có bà nội bà ngoại đều là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo Nguyễn Văn M có thời gian tham gia quân đội đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo T1, B và M quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để phân hóa tội phạm khi lượng hình.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy chưa cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà căn cứ Điều 35 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo như Viện kiểm sát nhân dân quận H đề nghị là đủ sức răn đe đối với các bị cáo. Tuy nhiên, mức đề nghị hình phạt tiền của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn B, Nguyễn Văn M, Bùi T2, Dương Quang T3 là ngang nhau, mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ là chưa phù hợp vì bị cáo B và M được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều Điều 51 Bộ luật hình sự nên phân hóa mức hình phạt sẽ khác nhau.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 58 (năm mươi tám) quân bài các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 12.800.000đ là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội và thu lợi bất chính nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 30.900.000 đồng, các bị cáo khai là tiền cá nhân, không liên quan đến hành vi đánh bạc, cụ thể: Châu Quang T1 là 3.200.000 đồng, của Dương Quang T3: 27.500.000 đồng, của Nguyễn Văn M 200.000 đồng nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo T1, T3, M.

[8] *Về án phí*: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo **Châu Quang T1** bằng hình thức phạt tiền để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền nộp phạt là: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo **Nguyễn B** bằng hình thức phạt tiền để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền nộp phạt là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo **Bùi T2** bằng hình thức phạt tiền để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền nộp phạt là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo **Dương Quang T3** bằng hình thức phạt tiền để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền nộp phạt là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn M** bằng hình thức phạt tiền để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền nộp phạt là: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b,c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 58 (năm mươi tám) quân bài
- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng).
- Trả lại cho Châu Quang T1: Số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm ngàn đồng)
- Trả lại cho Dương Quang T3: Số tiền 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng)
- Trả lại cho Nguyễn Văn M: Số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự quận H cất giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 38/QĐ-VKSHC ngày 13/9/2018 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/9/2018)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Mỗi bị cáo Châu Quang T1, Nguyễn B, Bùi T2, Dương Quang T3, Nguyễn Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận H; tp Đ
- Công an quận H; tp Đ
- Chi cục THADS quận H, tp Đ
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo